

Số: 05/2023/QĐST- VDS

ĐP, ngày 18 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hà

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-VDS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về “Hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp số 06/2023/QĐST-VDS ngày 09 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Lê Thị D, sinh năm 1969; địa chỉ: Cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có đơn xin vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: Cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai của người yêu cầu là bà Lê Thị D trình bày: Năm 2011 bà và ông Hoàng Văn H có kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ngày 15/4/2016 bà đã bỏ nhà đi. Trong thời gian này bà không liên lạc với ông H cũng như người thân. Đến tháng 01 năm 2023 khi bà trở về địa phương thì được biết Tòa án nhân dân huyện ĐP đã tuyên bố bà mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2018/QĐST- VDS ngày 28/11/2018 theo đơn yêu cầu của ông Hoàng Văn H.

Hiện nay bà đã về địa phương và đang sinh sống cùng ông Hoàng Văn H tại địa chỉ cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Bà đề nghị Tòa án nhân dân

huyện ĐP, Thành phố Hà Nội hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2018/QĐST- VDS ngày 28/11/2018 để bà được khôi phục các quyền, nghĩa vụ của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà D về việc hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích.

Ngày 20/4/2023, Công an xã TA, huyện ĐP đã xác nhận: Bà Lê Thị D, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT: Cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội đã trở về địa phương và đang sinh sống tại cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp là đúng trình tự pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D, hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2018/QĐST- VDS ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội về việc tuyên bố bà Lê Thị D mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị D đã bị Tòa án nhân dân huyện ĐP tuyên bố mất tích, có đơn yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện ĐP thụ lý giải quyết yêu cầu của bà Lê Thị D là đúng quy định tại khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà Lê Thị D và ông Hoàng Văn H là vợ chồng, do bà D bỏ nhà đi biệt tích trên 2 năm không có thông tin gì. Nên ông H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà D mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2018/QĐST- VDS ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội đã tuyên bố bà Lê Thị D mất tích.

Hiện nay, bà D đã về địa phương và đang sinh sống tại địa chỉ cụm 4, xã TA, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội và có đơn yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích đối với bà, yêu cầu của bà D là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Bà Lê Thị D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39; các Điều 149, 361, 370, 371, 372 và Điều 390 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 70 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 36; Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D

Hủy bỏ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2018/QĐST- VDS ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội về việc tuyên bố bà Lê Thị D mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003104 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐP;
- Chi cục THADS huyện ĐP;
- UNND xã TA, huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm..... , tại⁽⁶⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/...../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm..... , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾

.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân nhận định.⁽¹⁸⁾

[1]

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

.....

- (20)

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
 - (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
 - (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
 - (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
 - (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
 - (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
 - (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
 - (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
 - (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
 - (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
 - (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
 - (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
 - (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”

